

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/DS-ST

Ngày 23-10-2019

V/v : "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;
2. Ông Nguyễn Văn Mầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy P, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1465/2019/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa 1632/2019/QĐST-DS, ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

Trú tại: 01 T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Anh Hồ Thành P, sinh năm 1982, trú tại: 02 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định - Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11.7.2019) Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Phùng M, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T là anh Hồ Thành P trình bày: Vào ngày 07/10/2018 vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D; trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định có vay của chị Nguyễn Thị T 350.000.000đ. Khi vay vợ chồng anh M, chị D viết giấy nhận nợ, thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay để anh M, chị D đáo hạn ngân hàng, trong giấy vay tiền không có ghi lãi suất thỏa thuận bao nhiêu, nhưng các bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Khi vay vợ chồng anh M, chị D không có thể chấp hay cầm cố tài sản gì cho chị T. Anh M, chị D hẹn khi nào đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả đầy đủ gốc và lãi cho chị T. Mặc dù đến hạn trả nợ mà vợ chồng anh M không thanh toán được nợ gốc, nhưng chị T vẫn để cho vợ chồng anh M trả lãi được 02 tháng, từ tháng 11 đến 12/2018, sau đó thì không trả lãi nữa. Do đó chị T đã đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng anh M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trước đây.

Nay chị T yêu cầu vợ chồng anh M, chị D có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền: 350.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ tháng 01/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23.10.2019) với mức lãi suất 10%/năm.

Đối với bị đơn anh Lê Phùng M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh D: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án. Vợ chồng anh M, chị D không đến Tòa và cũng không nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 350.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 01/2019 đến ngày xét xử theo lãi suất quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của tòa án và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Lê Phùng M đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định; Vụ án

không có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Lê Phùng M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh D hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh M, chị D vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị D.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, yêu cầu vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D trả cho chị T số tiền nợ gốc 350.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 07.10.2018 do nguyên đơn chị T xuất trình thì vợ chồng anh M, chị D có vay của chị T 350.000.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 07.11.2018 (Một tháng) mục đích vay là để anh M, chị D đáo hạn ngân hàng, trong giấy vay tiền đều có chữ ký của anh M, chị D. Khi vay vợ chồng anh M, chị D không có cầm cố thế chấp tài sản gì cho chị T. Hợp đồng vay không có tính lãi. Nội dung giấy vay tiền trên là phù hợp pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng vay hợp pháp là căn cứ để xác định quyền, nghĩa vụ các bên; Mặc khác trong quá trình Tòa giải quyết vụ án này, vợ chồng anh M, chị D đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, hoặc văn bản trình bày ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đều này chứng minh vợ chồng anh M, chị D mặc nhiên thừa nhận có vay chị T số tiền trên và đến nay chưa thanh toán là sự thật. Vì vậy căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử buộc vợ chồng anh M, chị D cùng có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 350.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, yêu cầu vợ chồng anh M, chị D phải trả lãi từ tháng 01/2019 cho đến nay theo lãi suất 10%/năm. Mặc dù trong hợp đồng vay các bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng đây là hợp đồng vay có kỳ hạn thanh toán nợ, Theo khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Vì không có căn cứ để xác định các bên có thỏa thuận lãi suất. Do đó áp dụng mức lãi quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm. Nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi từ 01/2019 đến ngày xét xử 23/10/2019 là 09 tháng 23 ngày, được tính như sau:

+Tiền lãi tính từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019 là 09 tháng là $(350.000.000đ \times 10\%/năm \times 9 \text{ tháng}): 12 \text{ tháng} = 26.250.000đ$.

+Tiền lãi tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử, ngày 23/10/2019 là 23 ngày: $(350.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 23 \text{ ngày}): 30 \text{ ngày} = 2.236.000đ$.

Tổng cộng tiền lãi $26.250.000đ + 2.236.000đ = 28.486.000đ$

[4] Về án phí:

Vợ chồng anh M, chị D phải chịu $378.486.000 \times 5\% = 18.924.000đ$ sung Ngân sách nhà nước; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị T.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26,35,39,227,228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357,463,466,468,470 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Buộc vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T với số tiền 378.486.000 đồng (Ba trăm, bảy mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng); Trong đó nợ gốc 350.000.000đồng, tiền lãi 28.486.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D cùng phải chịu 18.924.000đ (Mười tám triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn) án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T 8.750.000đồng (Tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003061, ngày 08-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy P, tỉnh Bình Định.

3. Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23/10/2019). Anh Lê Phùng M, chị Bùi Thị Thanh D vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quý Phúc